|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  **TỈNH TÂY NINH** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND  (Dự thảo lần 1) | *Tây Ninh, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định** **điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; các Nghị định, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số /TTr-SKHĐT, ngày / /2024.*

**­­­­­QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.**Quyết định có hiệu lực kể từ ngày … tháng …. năm 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như điều 3; - VPCP; - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); - Vụ pháp chế (Bộ Tài chính); - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - TTTU; TT HĐND tỉnh; - CT, các PCT UBND tỉnh; - Các Sở, ban, ngành tỉnh; - Tổng GĐ NHCSXH; - Cổng TTĐT tỉnh; - Lưu: VT, LĐ. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** |

**QUY ĐỊNH**

ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, MỨC CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG HỖ TRỢ VAY VỐN ƯU ĐÃI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH  
*(Kèm theo Quyết định số …./2025/QĐ-UBND ngày …../…./2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi được ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi là NHCSXH) tỉnh và các Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động sau đây thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn.

**Điều 2.** **Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh.

**Điều 3.** **Điều kiện vay vốn**

1. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp;

b) Có dự án vay vốn khả thi để sản xuất, kinh doanh, phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển du lịch. Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi thực hiện dự án;

c) Có đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đối với hộ gia đình, người lao động

a) Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

c) Có nhu cầu vay vốn, có dự án vay vốn khả thi để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án.

**Điều 4.** **Các nội dung hỗ trợ cho vay vốn**

1. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống bao gồm:

a) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa; sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất theo cộng đồng, sản xuất theo các ngành nghề truyền thống.

b) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

c) Vay vốn để đầu tư tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hóa của các tổ chức, cá nhân.

d) Đầu tư các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá, hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản.

e) Hỗ trợ cho vay sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ.

2. Hỗ trợ cải thiện nhà ở, bao gồm: Vay vốn để mua nhà ở xã hội, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở.

3. Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP), bao gồm:

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

b) Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

d) Đầu tư trung tâm, cửa hàng, điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP bao gồm biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP.

4. Phát triển du lịch nông thôn, bao gồm:

a) Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trên địa bàn nông thôn có sử dụng lao động nông thôn.

b) Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch (điểm trưng bày sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát,…).

**Điều 5.** **Mức cho vay**

1. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/01 dự án.

2. Đối với hộ gia đình, người lao động: Mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

3. Mức vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào cân đối nguồn vốn, phương án sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

**Điều 6.** **Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**Điều 7.** **Thời gian cho vay**

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận.

**Điều 8.** **Nguồn vốn cho vay**

1. Do ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Các nguồn khác như nguồn lãi thu được từ việc cho các đối tượng chính sách vay, nguồn vốn huy động tiền gửi của các cá nhân, tổ chức.

**Điều 9.** **Tổ chức thực hiện**

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, kiểm tra giám sát đảm bảo đúng đối tượng, sử dụng vốn đúng mục đích và phát huy hiệu quả chương trình; định kỳ hằng quý báo cáo kết quả hỗ trợ cho vay vốn về các cơ quan thường trực các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2.Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ủy thác nguồn vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp) qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo Quyết định này.

3. Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các địa phương thực hiện tốt công tác rà soát đối tượng để thực hiện hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo Quyết định này.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức tuyên truyền, phối hợp trong công tác quản lý vốn, triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Hằng năm, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để hỗ trợ vay vốn thực hiện các nội dung được quy định tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, bình xét, xác nhận đối tượng, phổ biến tuyên truyền nội dung chính sách cho vay và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định này.

**Điều 10.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 9;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - CT và các Phó CT UBND tỉnh;  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - VPUB: CVP, các PVP;  - Lưu: VT, KT. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Thanh Ngọc** |